

Số : 21 /CV/ScaSG/2023

TP.HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2023

V/v: công bố Thư mời và Tài liệu hợp
ĐHCD bắt thường năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên tổ chức: Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn
 - Mã chứng khoán: SSN
 - Địa chỉ trụ sở: 87 Hàm Nghi, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
 - Điện thoại: (08)73099999
 - Fax: 39310888
 - Người thực hiện công bố thông tin: Đỗ Thị Hồng
- Nội dung thông tin công bố:
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn công bố thông tin Thư mời và Tài liệu hợp Đại hội đồng cổ đông bắt thường năm 2023.
Tài liệu đại hội: sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty www.scaprodexsg.com
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty: www.seaprodexsg.com vào ngày 04 tháng 05 năm 2023, tại hộp thư điện tử công ty info@scaprodexsg.com đến địa chỉ: congbothongtin@ssc.gov.vn; quanlyphathanh@ssc.gov.vn; dangkygiaodich01@gmail.com và gửi trực tiếp ấn phẩm qua đường bưu điện.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
NGÀY 26/05/2023

Thời gian: 7h30, thứ Sáu, ngày 26 tháng 05 năm 2023

Địa điểm: Vòng xoay A12, Khu đô thị phát triển phường An Phú, quận 2, Tp.HCM

Thời gian	Nội dung chương trình
7h30 - 8h00	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông
	- Đón tiếp cổ đông và khách mời
	- Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông/đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ
	- Phát tài liệu, thẻ biểu quyết cho cổ đông
8h00 - 8h30	Khai mạc Đại hội
	- Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội
	- Thông qua quy chế làm việc, chương trình Đại hội
8h30 - 9h15	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký điều hành phiên họp ĐHĐCĐ và Ban kiểm phiếu tại Đại hội
	Trình bày các tờ trình và thảo luận, biểu quyết
	Tờ trình xin ý kiến biểu quyết thông qua các nội dung:
	• Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
	• Thông qua việc bổ sung Người Đại diện theo Pháp luật
	Đại hội thảo luận
	Biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến tại Đại hội
Bỏ phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu bầu cử	
9h15 - 9h30	Nghỉ giải lao
9h30 - 9h45	Công bố kết quả biểu quyết, kết quả kiểm phiếu
9h45 - 10h00	Kết thúc Đại hội
	Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ
	Bế mạc Đại hội



ĐO THỊ HỒNG

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN SÀI GÒN

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn

Hội đồng Quản trị Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn trân trọng kính mời Quý vị Cổ đông tham dự Đại hội Đồng Cổ đông bất thường năm 2023, chi tiết như sau:

1. **Thời gian** : 7h30, thứ Sáu, ngày 26 tháng 05 năm 2023

2. **Địa điểm** : Vòng xoay A12, Khu đô thị phát triển phường An Phú, Quận 2, Tp.HCM

3. **Nội dung Đại hội:** Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể: thực hiện các thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lấy ý kiến cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và bổ sung thêm Người đại diện pháp luật Công ty... Nội dung cụ thể Công ty sẽ gửi kèm trong Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023.

4. **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (hoặc những người được cổ đông ủy quyền tham dự họp hợp pháp) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 27/04/2023.

5. **Tài liệu Đại hội:** Quý cổ đông truy cập và tải tài liệu về tại website Công ty theo đường dẫn: <http://seaprodexsg.com/d/dai-hoi-co-dong/>.

6. **Đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**

Để công tác chuẩn bị Đại hội được chu đáo, kính đề nghị Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự cho Ban tổ chức trước 17h00 ngày 22/05/2023 như sau:

• **Dăng ký tham dự:**

Điền đầy đủ thông tin và gửi Giấy mời tham dự về cho Bộ phận hỗ trợ đăng ký hoặc liên hệ trực tiếp với Ban tổ chức qua Điện thoại: (028) 7309 9999; fax: (028) 3931 0888.

• **Mọi thắc mắc xin liên hệ theo thông tin sau:**

Bộ phận hỗ trợ đăng ký

- Mr. Dương Hý Phúc

- Điện thoại: (028) 7309 9999, máy lẻ: 119; fax: (028) 3931 0888.

- Email: info@seaprodexsg.com

- Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM



Thông báo này thay cho Giấy mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được giấy mời họp.

Lưu ý: Quý cổ đông đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo bản chính CMND/CCCD/hộ chiếu và kèm theo Giấy ủy quyền bản chính (nếu là người được ủy quyền). Đối với tổ chức mang kèm theo Giấy giới thiệu cho người đại diện đến tham dự.

Trân trọng thông báo!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ THỊ HỒNG



**SSN**

SAIGON

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 87 Ham Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tel: (08) 73099999 – Fax: (08) 39310888

Website: scaprodexsg.com – Email: info@scaprodexsg.com

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN SÀI GÒN

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn.

- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông (cổ đông/đại diện cổ đông) tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Điều kiện tham dự:

Là các cổ đông/đại diện cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội, là ngày 27/04/2023.

2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội.

- Cổ đông/đại diện cổ đông khi dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy tùy thân (CCCD, CMND) hoặc hộ chiếu...) và Giấy ủy quyền (đối với đại diện cổ đông) xuất trình với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Thẻ biểu quyết (ghi tên cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự Đại hội). Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết bằng tổng số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện ủy quyền (nếu có).

- Tại Đại hội, các cổ đông/đại diện cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng nội dung bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận theo sự điều hành của Chủ tọa.

- Cổ đông/đại diện cổ đông đến dự Đại hội muốn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Các cổ đông/đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

- Trong thời gian tiến hành Đại hội, cổ đông/đại diện cổ đông phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức chỉ định.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông dự họp; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết cho cổ đông/đại diện cổ đông; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.

3. Chủ tọa có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

4. Chủ tọa Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

5. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn.

6. Thư ký đại hội do chủ tọa chỉ định. Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và lưu giữ tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn.

Điều 6. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch

03/
C
C
UẤT
T
S
197

1. Đoàn chủ tịch: Là thành viên Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty.
2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
 - Là cơ quan cao nhất điều hành các công việc tại Đại hội;
 - Hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc của cổ đông về các vấn đề nêu ra trong nội dung chương trình đại hội; Điều hành và chủ trì việc biểu quyết thông qua các vấn đề được nêu trong đại hội theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 7. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
 - Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung đề Chủ tọa thông báo trước Đại hội.



Chương III. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn chốt ngày 27/04/2023.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình. Thư ký Đại hội sẽ ghi nhận lại tất cả ý kiến của cổ đông vào biên bản họp. Ban Tổ chức Đại hội phát cho cổ đông phiếu biểu quyết có ghi các nội dung cần lấy ý kiến theo thứ tự từ 1 đến hết. Ở từng nội dung sẽ có các phương án biểu quyết như sau:

- Tán thành

- Không tán thành
- Không có ý kiến

Ở từng nội dung cần lấy ý kiến, cổ đông đánh dấu X vào ô mình muốn biểu quyết.

Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính bằng số điểm biểu quyết. Một (01) cổ phần được quyền biểu quyết khi tham gia biểu quyết được tính bằng một (01) điểm biểu quyết.

2. Nguyên tắc thông qua:

Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi có số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu cho ít nhất 51% trở lên tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại đại hội tán thành.

Đối với các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giới trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, tổ chức lại, giải thể công ty sẽ chỉ được thông qua khi có ít nhất 65% trở lên tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại đại hội tán thành.

Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 4 Chương 10 Điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn ngày 26 tháng 05 năm 2023.

TM. BAN TỔ CHỨC

TRƯỞNG BAN



ĐỖ THỊ HỒNG

SSN



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tel: (08) 73099999 – Fax: (08) 39310888

Website: seaprodexsg.com – Email: info@seaprodexsg.com

GIẤY ĐĂNG KÝ

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN SÀI GÒN

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn

Tên Cổ đông:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (hoặc ĐKDN):

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại: Fax:

Người đại diện (nếu cổ đông là tổ chức):

Số CMND/CCCD/hộ chiếu người đại diện:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:

Căn cứ Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm của Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn, tôi/chúng tôi xin xác nhận như sau (đánh dấu vào 1 trong 2 ô dưới đây):

- Trực tiếp đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn.
- Ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn (Người được tôi/chúng tôi ủy quyền sẽ xuất trình bản gốc Giấy ủy quyền và bản gốc Thông báo mời họp theo mẫu cho Ban tổ chức Đại hội trước khi tham dự)

Tôi/chúng tôi cam kết sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn và chấp hành đúng các quy định, quy chế của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!

..., ngày ... tháng 05 năm 2023

CÓ ĐỒNG ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên/Đóng dấu)

SSN

SAI GON

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tel: (08) 73099999 – Fax: (08) 39310888

Website: seaprodexsg.com – Email: info@seaprodexsg.com

GIẤY ỦY QUYỀN**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN SÀI GÒN****Kính gửi:** Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn

Tên cổ đông:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CMND/CCCD/CNDKKD số:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Sở hữu: cổ phần Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn.
(Bằng chữ:)

Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng:

 ỦY QUYỀN CHO BÊN DƯỚI ĐÂY dự họp:

Ông/Bà:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CMND/CCCD/CNDKKD số:

Địa chỉ:

Số cổ phần được ủy quyền:

(Bằng chữ:)

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này, cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn, và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

....., ngày... tháng ... năm 2023

Người được ủy quyền*(Ký và ghi rõ họ tên)***Người dự họp hoặc ủy quyền***(Ký và ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**

- Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì người ký là người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho người khác dự họp.
- Gửi kèm một (01) bản sao CMND/CCCD/CNDKKD chứng thực của cổ đông và bên ủy quyền



SAI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Tel: (08) 73099999 – Fax: (08) 39310888
Website: seaprodexsg.com – Email: info@seaprodexsg.com

Số: 01/Tr/SeaSG/2023

TP.HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn,

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Dựa trên các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty nhằm mục đích:

- Bổ sung thêm một số nội dung được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm giải quyết nhanh và kịp thời các vấn đề cần được HĐQT thông qua;
- Sửa đổi quy định về biểu quyết, một số vấn đề khác tại HĐQT để phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều trong đó có Luật doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực từ 01/03/2022.
- Bổ sung thêm 01 người Đại diện theo pháp luật để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn.

Cụ thể như sau:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung, thông qua toàn văn Dự thảo Điều lệ Công ty và Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn.

(Chi tiết nội dung sửa đổi, Dự thảo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty kèm theo các phụ lục đính kèm và được đăng tải tại website Công ty <http://seaprodexsg.com/d/dai-hoi-co-dong/>)

2. Phê chuẩn việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị hoàn thiện và ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, điều chỉnh thứ tự các Điều/Khoản/Điểm và tùy từng thời điểm thay mặt HĐQT quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung các văn bản trên cho phù hợp với các thay đổi của pháp luật

và thực tế hoạt động của Công ty.

3. Chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định pháp luật về CBTT cho toàn thể Cổ đông, Nhà Đầu tư, Cơ quan quản lý Nhà nước toàn văn nội dung Điều lệ sửa đổi và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi; báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại phiên họp thường niên gần nhất về việc sửa đổi Điều lệ (nếu có).

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỖ THỊ HỒNG

U.N.
x
QUẢN

**SSN**

DEX SAI GON

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Tel: (08) 73099999 – Fax: (08) 39310888

Website: seaprodexsg.com – Email: info@seaprodexsg.com

PHỤ LỤC 1
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN SÀI GÒN
(Kèm theo Tờ trình số 01/TTr/SeaSG/2023 ngày 04 tháng 05 năm 2023)

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Giải thích
1	Sửa đổi tại khoản 5, Điều 2: “5. Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của công ty”	“5. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Tổng giám đốc Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau: Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như nhau của Người đại diện theo pháp luật trong mọi hoạt động của Công ty.”	Theo quy định tại khoản 2, Điều 12 và khoản 2, Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020; Phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
	Sửa đổi tại khoản 2, khoản 3, Điều 18: “2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời	“2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải gửi thông báo mời họp lần thứ ba trong	Theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020

<p>điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.”</p>	<p>thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.”</p>	
<p>Sửa đổi tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 20:</p> <p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>f. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu từng thành viên theo số lượng</p>	<p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại đại hội tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>f. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại đại hội tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu</p>	<p>Theo quy định tại khoản 5, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều trong đó có Luật doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực từ 01/03/2022.</p> <p>Theo quy định tại khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN
 THỊ AN
 17

	<p>phiếu biểu quyết cổ đông nắm giữ, theo đó mỗi cổ đông có số cổ phần sở hữu tương ứng với số phiếu quyết từng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.”</p>	<p>nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.”</p>	
	<p>Bỏ khoản 4,6 Điều 20: “4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. 6. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.”</p>		<p>Do trùng lặp với nội dung tại Điều 21 Điều lệ công ty.</p>
<p>2</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung Khoản 1 Điều 21: “1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.”</p>	<p>“1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm tất cả các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.”</p>	<p>Theo quy định tại Điều 147 và khoản 2, Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020; Phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.</p>

3	<p>Sửa đổi khoản 9, Điều 21:</p> <p>“9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”</p>	<p>“9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 20 Điều lệ Công ty</p>
---	---	--	---



PHỤ LỤC 2
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN SÀI GÒN

(Kèm theo Tờ trình số 01/TTr/SeaSG/2023 ngày 04 tháng 05 năm 2023)

TT	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề nghị sửa đổi, bổ sung	Giải thích
1	<p>Sửa đổi tại Điều h, Mục 2, Điều 18:</p> <p>“- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> • Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; • Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; • Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; • Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định. • Tổ chức lại, giải thể Công ty; <p>- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.”</p>	<p>“- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; • Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; • Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; • Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định. • Tổ chức lại, giải thể Công ty; • Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định; <p>- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 5, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều trong đó có Luật doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực từ 01/03/2022.</p> <p>Thống nhất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 20 Điều lệ công ty sau khi sửa đổi.</p> <p>Phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.</p>

<p>Bổ nội dung tại Điểm h, Mục 2, Điều 18:</p> <p>“- Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.”</p>		<p>Do trùng lặp với nội dung tại Điều 22 Quy chế quản trị về nội bộ của Công ty.</p> <p>Thống nhất theo quy định tại khoản 9 Điều 21 Điều lệ công ty sau khi sửa đổi.</p>
<p>Sửa đổi tại Khoản 1, Điều 22:</p> <p>“1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.”</p>	<p>“1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm tất cả các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.”</p>	<p>Theo quy định tại Điều 147 và khoản 2, Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020;</p> <p>Thống nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty sau khi sửa đổi.</p>
<p>Sửa đổi tại Khoản 16, Điều 22:</p> <p>“16. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”</p>	<p>“16. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 20 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 20 Điều lệ Công ty.</p> <p>Thống nhất theo quy định tại khoản 9 Điều 21 Điều lệ công ty sau khi sửa đổi.</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN SÀI GÒN

(Được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông bất thường 2023 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn ngày 26/05/2023)

M.S.A

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
------------------------------	---

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
---	---

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
--	---

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
---	---

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
--	---

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	8
-----------------------------	---

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
------------------------------------	---

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	9
-------------------------------	---

Điều 9. Thu hồi cổ phần	9
-------------------------	---

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
--	---

Điều 11. Quyền của cổ đông	12
----------------------------	----

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	13
-------------------------------	----

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	14
-------------------------------	----

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
---	----

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	16
-------------------------------------	----

Điều 16. Thay đổi các quyền	17
-----------------------------	----

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
---	----

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
---	----

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	19
--	----

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
--	----

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 30. Người điều hành Công ty	31
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	31
Điều 32. Thư ký Công ty	32
IX. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát	32
Điều 34. Trưởng Ban kiểm soát	33
Điều 35. Ban kiểm soát	34
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng	35
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	36
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn 37

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận 37

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng 38

Điều 43. Năm tài chính 38

Điều 44. Chế độ kế toán 38

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 39

Điều 46. Báo cáo thường niên 39

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán 39

XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu 39

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động 40

Điều 50. Gia hạn hoạt động 40

Điều 51. Thanh lý 40

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ 41

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 41

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực 41

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - n. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
-

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN**

- Tên tiếng Anh: **SAIGON SEAPRODUCTS IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **SEAPRODEX SAIGON**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại: (84) 8 39 144 927

- Fax: (84) 8 39142 236

- E-mail: info@seaprodexsg.com

- Website: www.seaprodexsg.com

4. Các chi nhánh và xí nghiệp trực thuộc :

4.1. Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy Sản Sài Gòn – Kho lạnh Sea Sài Gòn, địa chỉ : Lô E, đường 12, KCN Sóng Thần II, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

4.2. Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên, địa chỉ : 67 Phú Viên, Tổ 2, P.Bồ Đề, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.

4.3. Chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp kho vận, địa chỉ : 678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Tổng giám đốc Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như nhau của Người đại diện theo pháp luật trong mọi hoạt động của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập, thay đổi nội dung hoạt động của chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính :

- Khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, thu mua, chế biến, kinh doanh các mặt hàng: thủy hải sản, nông lâm sản, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác.
- Sản xuất, mua bán các loại: vật liệu xây dựng, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành thủy sản, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành nông nghiệp, vật tư nguyên liệu phục vụ cho ngành bao bì, các loại máy móc thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải,...
- Kinh doanh kho lạnh, pho mát, giao nhận, vận chuyển, bốc xếp hàng hóa đường bộ - đường biển và đường hàng không.
- Đại lý vận tải đường biển, đường hàng không.
- Kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi và các loại bất động sản khác.
- Đào tạo và cung ứng nguồn lao động cho khách hàng trong và ngoài nước.
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để phát triển ngành thủy sản và các lĩnh vực kinh doanh khác, thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế của Nhà nước, tạo việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi nếu xét thấy có lợi nhất cho Công ty thì Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **396.000.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu tỷ đồng)**.

Tổng số vốn điều lệ được chia thành **39.600.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc

thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
- Quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Công Ty.

2. Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm từ năm (05) đến mười một (11) thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó giám đốc và trưởng các bộ phận, phòng, ban trong Công ty việc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

3. Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm Soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

-
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công Ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công Ty nếu thấy cần thiết;
 - Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý của Công Ty;
 - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - Xem xét báo cáo của Công Ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội Đồng Quản Trị chấp thuận;
 - Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

3.4 Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 năm trừ khi Hội Đồng Quản Trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và quy định của pháp luật.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra ứng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Quyền khác theo quy định của Luật này và điều lệ công ty

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24, Khoản 2 Điều 33 Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông:

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Hoàn thành các quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

-
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

-
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ từ 65% cổ phần phổ thông trở lên tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề

nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải gửi thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề

nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản

này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại đại hội tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại đại hội tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm tất cả các vấn

đề được quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm

phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công

ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên (tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng

quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

5. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 60% trở lên có quyền đề cử toàn bộ ứng viên.

6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng

chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các người điều hành khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người điều hành Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch lớn của Công ty;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn

hân trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết

định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào

các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Người điều hành công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự khẩn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị

bỏ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Trước ngày 31/03 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Tham dự các cuộc họp.

4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các người điều hành khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 60% trở lên đề cử đủ toàn bộ ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- d. Là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

l. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban

kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.
2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÙ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của

các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

-
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay người điều hành cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 54 điều, được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 100/NQ-ĐHĐCĐ/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 26 tháng 05 năm 2023.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC





CÔNG TY CP XNK
THỦY SẢN SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông .../NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26/05/2023

của Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn)

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Mẫu Quy chế nội bộ về Quản trị công ty ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 26/05/2023.
- Quy chế này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 26/05/2023 của Đại hội đồng Cổ đông phiên họp bất thường 2023 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. **Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn** (sau đây gọi là Quy chế) là những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, cụ thể hóa các vấn đề về quản trị nội bộ công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và cán bộ quản lý trong Công ty; đồng thời quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty để giảm thiểu rủi ro và những thiệt hại không cần thiết cho Công ty, tăng cường hiệu quả điều hành và việc kiểm soát quản trị nội bộ Công ty được công khai và minh bạch.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

4. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các vấn đề liên quan đến:

- Cổ đông và việc thực hiện các quyền của Cổ đông;
- Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
- Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;
- Hoạt động của Hội đồng Quản trị; trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
- Hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị;
- Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc ;
- Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;
- Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Cổ đông, Công ty, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ.

Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật và Quy chế này hoặc văn bản khác của Công ty, hoặc có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị Công ty

1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Quản trị công ty**" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.
2. "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn;
3. "**Luật Chứng khoán**" là số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
4. "**Luật Doanh nghiệp**" là số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
5. "**Pháp luật**" có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
6. "**Điều lệ Công ty**" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua
7. "**Cổ đông**" là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
8. "**Người quản lý**" bao gồm Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội

đồng Quản trị bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của Công ty.

9. “*Người điều hành Công ty*” là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc điều hành, Giám đốc Tài chính và người điều hành trong Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. “*Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*” là Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và Giám đốc Tài chính;
11. “*Người phụ trách Quản trị công ty*” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-CP và Điều lệ Công ty;
12. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán; khoản 23, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
13. “*UBCKNN*” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
14. “*SGDCK*” là Sở Giao dịch Chứng khoán.
15. “*TTLCKVN*” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
16. “*Công ty*”, “*SSN*” là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 5. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Cổ đông

1. Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu (mã cổ phiếu: SSN) của SSN
2. Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
3. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 6. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông

1. Mọi Cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả Cổ đông thiểu số và Cổ đông là người nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông là người nước ngoài tại Công ty là không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác.
3. Cổ đông là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc là cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền của Cổ đông

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều 271, Điều 272 Thông tư 155-2020/TT-BTC, Điều 22 và một số khoản, mục trong các Điều liên quan thuộc Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành,

1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - c) Nhận cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - f) Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - g) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - i) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - j) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;
 - k) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Ngoài các quyền quy định trên đây, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
 - a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị,

báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

- b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.
 - d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.
3. Ngoài các quyền quy định tại khoản 1, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% ($\geq 10\%$) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 7. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

- a) Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Người được uỷ quyền không nhất thiết là Cổ đông của Công ty.
- b) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi Thẻ/phieu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- c) Người được uỷ quyền phải xuất trình văn bản uỷ quyền dự họp trước khi vào phòng họp. Văn bản uỷ quyền dự họp phải lập theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp Cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- d) Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó.
- e) Trừ trường hợp quy định tại khoản d, Điều này, Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.
- f) Quy định tại khoản c, Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các trường hợp nêu tại khoản d, Điều này trong vòng hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
- g) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông dự họp đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 8. Nghĩa vụ của Cổ đông

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều 271 Thông tư 155-2020/TT-BTC, Điều 22 và một số khoản, mục trong các Điều liên quan thuộc Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành,

1. Cổ đông phổ thông của Công ty có nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế, Quy định của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- b) Thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
- c) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn góp trái với quy định này thì Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty phải cùng chịu trách nhiệm liên đới về các khoản nợ và nghĩa vụ tài

sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

- d) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - e) Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích của Công ty và giữ bí mật các hoạt động của Công ty; Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 - f) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hồ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng các hình thức pháp luật cho phép và theo quy định trong Điều lệ công ty.
 - g) Chịu rủi ro về thua lỗ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ, các nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;
 - h) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại khoản 1, Điều này, Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được gọi là Cổ đông lớn và kể từ ngày trở thành Cổ đông lớn phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn theo quy định của pháp luật, đối với Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và SGDCK/TTGDCK nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.
3. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 9. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

Theo quy định tại Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều 271 Thông tư 155-2020/TT-BTC, Thông tư 96-2020/TT-BTC, Điều 22 và một số khoản, mục trong các Điều liên quan thuộc Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành,

1. Cổ đông yêu cầu nêu tại Điểm (g) hoặc Điểm (h) Điều 7 thực hiện tra cứu, trích lục thông

tin thì thực hiện theo trình tự như sau:

- a) Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu, kiến nghị bằng văn bản gửi cho hoặc liên hệ trực tiếp đến Văn phòng Hội đồng Quản trị - Bộ phận Quan hệ Cổ đông hoặc bộ phận Văn thư Trụ sở chính Công ty để được cung cấp tài liệu gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc qua email theo thông tin liên hệ Công ty cung cấp trên website và trong các tài liệu gửi Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Cổ đông đã lưu ký cổ phiếu yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình phải gửi yêu cầu cho thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và của tổ chức lưu ký.
 - c) Cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì liên hệ đến Văn phòng Hội đồng Quản trị - Bộ phận Quan hệ Cổ đông của Công ty để được hỗ trợ hoặc/và gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản theo quy định của Công ty và của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đến Văn phòng Hội đồng Quản trị - Bộ phận Quan hệ Cổ đông của Công ty.
2. Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2, 5 Điều 7 Quy chế này thực hiện tra cứu, trích lục thông tin như nội dung khoản 2, 5 Điều 7 thì thực hiện theo trình tự như sau:
- a) Yêu cầu của Cổ đông phải nêu rõ thông tin về Cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các tài liệu cần xem xét, kiểm tra, trích lục, nhận bản sao, bản trích dẫn trong khoản này, chữ ký của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông.
 - b) Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; chữ ký và dấu (nếu là tổ chức) của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho Cổ đông bằng văn bản.
 - d) Cổ đông/nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc này.
 - e) Cổ đông phải trả phí cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu Cổ đông có yêu cầu.

Điều 10. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này thực hiện quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo trình tự như sau:

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại Văn thư Trụ sở

chính của Công ty.

2. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 7 phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chữ ký và dấu (nếu là tổ chức) của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ hợp pháp về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
3. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông, Hội đồng Quản trị sẽ có văn bản trả lời chính thức cho Cổ đông/nhóm Cổ đông về yêu cầu triệu tập.
4. Cổ đông/nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.
5. Trường hợp Ban Kiểm soát hoặc Cổ đông/nhóm Cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách Cổ đông có quyền dự họp.
6. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là người mua hàng.

Điều 11. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị đề xuất bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:
 - a) Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu, kiến nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Văn thư Trụ sở chính của Công ty ít nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông.
 - b) Yêu cầu, kiến nghị phải nêu rõ thông tin về Cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của Cổ đông hoặc toàn bộ các Cổ đông trong nhóm Cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu, kiến nghị của Cổ đông.
 - c) Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ tiếp nhận và xử lý yêu cầu trên của Cổ đông/nhóm Cổ đông, chuyển cho Hội đồng Quản trị xem xét, thông qua; sẽ thông báo đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông về kiến nghị của họ được chấp thuận hay bị từ chối, tuân thủ quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ SSN và các quy định pháp luật liên quan.
 - d) Trường hợp Hội đồng quản trị chấp thuận kiến nghị, Hội đồng quản trị sẽ đề nghị người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông đưa tất cả kiến nghị vào dự thảo chương trình họp

Dại hội đồng cổ đông.

- Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 - Cổ đông/nhóm Cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để phát cho các Cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, và cũng phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.
- e) Trường hợp Hội đồng quản trị không chấp thuận kiến nghị, Hội đồng quản trị phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông biết lý do không chấp nhận kiến nghị chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- Cổ đông/nhóm Cổ đông có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.
 - Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản: phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/Số Thẻ căn cước/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
2. Cổ đông/nhóm Cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng Quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung trong trường hợp này.

Điều 12. Cổ đông yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể

1. Cổ đông/nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể theo trình tự như sau:
 - a) Cổ đông/nhóm Cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Ban Kiểm soát bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Văn thư Trụ sở chính của Công ty.
 - b) Yêu cầu phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát xem xét và phải trả lời cho Cổ đông/nhóm Cổ đông bằng văn bản về việc có quyết định tiến hành kiểm tra hay không. Nếu quyết định tiến hành kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm soát thông báo cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về sự việc và phải tiến hành việc kiểm tra trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông/nhóm Cổ đông.

- d) Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm cung cấp thông tin, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát kiểm tra theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.
 - e) Kết quả kiểm tra phải được thông báo bằng văn bản cho Cổ đông/nhóm Cổ đông trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản kết quả kiểm tra.
 - f) Ban Kiểm soát phải đưa tóm tắt sự việc, kết quả kiểm tra vào báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
2. Cổ đông/nhóm Cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế cũng có thể gửi kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát xem xét và trả lời cho Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản, trường hợp cần có thời gian kiểm tra, xác minh sự việc thì cũng phải thông báo cho Cổ đông được biết.

Điều 13. Cổ đông đề nghị làm việc trực tiếp với Hội đồng Quản trị, BKS, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, hay bất kỳ nội dung nào phải đăng ký với Người phụ trách quản trị công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc quyết định làm việc với Cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị công ty thông báo cho Cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).
3. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm lập Biên bản làm việc và lưu vào hồ sơ Công ty.
4. Căn cứ tình hình Công ty và các yêu cầu của Cổ đông, Hội đồng Quản trị quyết định việc tổ chức và cách thức gặp gỡ, trao đổi với các Cổ đông của Công ty.

Điều 14. Cổ đông yêu cầu tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi cổ đông mua cổ phần của Công ty sau ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

Trong trường hợp cổ đông mua cổ phần của Công ty sau ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị được tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông nhưng không có quyền biểu quyết. Trình tự như sau:

1. Cổ đông yêu cầu Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký cung cấp cho cổ đông bằng sao kê giao dịch chứng khoán tại thời điểm cổ đông mua cổ phần của Công ty (sau ngày đăng ký cuối cùng nhưng trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông).
2. Cổ đông gửi yêu cầu tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản cùng bằng sao kê giao dịch chứng khoán đến quầy Văn thư của Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm

việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

3. Nếu Hội đồng Quản trị không chấp thuận yêu cầu tham dự Đại hội đồng Cổ đông của cổ đông thì Hội đồng Quản trị phải trả lời bằng văn bản cho cổ đông biết lý do không chấp thuận trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 15. Cung cấp thông tin cho Cổ đông

1. Thông tin của Công ty được cung cấp cho Cổ đông thông qua các kênh sau:
 - Trang Thông tin điện tử (Website) chính thức của Công ty:
<https://seaprodexsg.com/>
 - Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;
 - Thông cáo báo chí của Công ty;
 - Phát ngôn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người được ủy quyền công bố thông tin;
 - Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho Cổ đông hoặc công chúng.
2. Công ty tạo điều kiện để Cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.
3. Trang Thông tin điện tử (Website), báo cáo và công bố thông tin của Công ty được lập bằng tiếng Việt, ngôn ngữ Tiếng Việt được coi là ngôn ngữ chính và là căn cứ để xác lập các thông tin chính thức từ Công ty trong trường hợp có nội dung chưa rõ, mâu thuẫn, hoặc tranh chấp cần làm rõ.

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông của Đại hội đồng cổ đông SSN được quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 16. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù

hợp.

5. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
6. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - m) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
8. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan

hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

Tuân thủ theo các quy định từ Điều 140 đến 149 Luật Doanh nghiệp, các quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật khác, trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua

ng nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- Điều kiện tiến hành;
- Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức bỏ phiếu;
- Cách thức kiểm phiếu;
- Điều kiện để nghị quyết được thông qua;
- Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
- Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1. Triệu tập họp, Chương trình họp và Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông

- a) Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- b) Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- c) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm (i) khoản 1 Điều 16 hoặc nhận được yêu cầu theo quy định Điều lệ Công ty;

- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tuân thủ quy định tại Điều 140, 141, 142 Luật Doanh nghiệp, các hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Chuẩn bị Danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp.
- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- Các công việc khác phục vụ đại hội.

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty.
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông
- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- Cách thức và biểu mẫu lập Danh sách cổ đông, Công văn thông báo về việc tổ chức Đại hội, Công văn thông báo về ngày Đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông và hồ sơ gửi kèm theo quy định và hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

b) Chương trình, nội dung phiên họp Đại hội đồng cổ đông:

- Theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được lập bao gồm các nội dung chính:
 - Tên Công ty, Tên, nội dung chương trình, thời gian, địa điểm
 - Các bước tiến trình Đại hội, nội dung công việc, thời lượng đối với từng vấn đề;
 - Người thực hiện từng nội dung công việc
- Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản (e) Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung không đúng quy định tại khoản 8 Điều này;
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông tại khoản (e) Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản (f) Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

c) Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông

- Theo quy định của Điều 143 Luật Doanh nghiệp,
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch;
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
- Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm Chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào Chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.
- Trường hợp Công ty có trang Thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp được quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng cách đăng tải lên trang Thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, Thông báo mời họp phải ghi rõ địa chỉ, cách thức tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính như sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông;
 - Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - Nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
 - Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - Thủ tục tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - Thời gian và địa chỉ cụ thể của trang thông tin điện tử đăng tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Thời gian và cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - Những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi kèm theo các tài liệu:

- Chương trình họp;
- Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp
- Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Thẻ/Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- Các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của SGDCK/TTGDCK, trên trang Thông tin điện tử của Công ty nơi Công ty đóng trụ sở chính. Ngoài các hình thức bắt buộc theo quy định trên, Công ty đồng thời có thể thông báo cho cổ đông qua email và tin nhắn để hỗ trợ cổ đông cập nhật thông tin về Đại hội
 - Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
 - Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
 - Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp quy định tại khoản 2 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

d) Cách thức đăng ký tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông

- Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) người tham dự cuộc họp và không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
- Trong trường hợp tham dự Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông xác nhận tham dự bằng cách gọi điện thoại trực tiếp cho Ban Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông theo số điện thoại

ghi trong Thông báo mời họp hoặc gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội đồng Cổ đông (theo mẫu của Công ty) đến Trụ sở chính Công ty bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Công ty quy định.

- Trong trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông gửi Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông (theo mẫu của Công ty) đến Trụ sở chính Công ty bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Công ty quy định.
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông đăng ký tham dự tại Đại hội theo cách thức ghi trong Thông báo mời họp và xuất trình các loại giấy tờ như sau:
 - Cổ đông cá nhân: Thông báo mời họp, Chứng minh nhân dân/ Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền).
 - Cổ đông pháp nhân: Thông báo mời họp, Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, Giấy ủy quyền và Chứng minh nhân dân/ Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người được ủy quyền.
- Cổ đông được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm cả việc họp qua internet, bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa,...
- Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông là tiếng Việt. Nếu Chủ tọa không chỉ định phiên dịch chung cho cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì Cổ đông là người nước ngoài có quyền đem theo phiên dịch khi tham dự đại hội, tuy nhiên, phải thông báo trước cho Chủ tọa được biết khi đăng ký dự họp để được sắp xếp chỗ ngồi cho người phiên dịch.

e) Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp, Điều 19 Thông tư 116-2020/TT-BTC; Điều lệ Công ty;
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ

ngày dự định họp lần thứ hai.

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

f) *Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông*

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông
- Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ/Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên người đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
- Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký dự họp và ngay sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng, không thay đổi.

g) *Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:*

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung

chương trình họp;

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- Hội đồng Quản trị Công ty có quyền yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
- Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.
- Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
 - Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
 - Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
- Trong Điều lệ Công ty (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
- Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h) Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua

- Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết sau đây:
 - Thông qua biểu quyết tại cuộc họp;
 - Thông qua biểu quyết lấy ý kiến bằng văn bản;
 - Thông qua và các phương thức khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ

hơn do Điều lệ Công ty quy định.

- Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
- Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.
 - Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát; Cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Số phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện được uỷ quyền bằng số cổ phần mà Cổ đông đó đang sở hữu.
 - Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
 - Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết, quyết định đó. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang Thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang Thông tin điện tử của Công ty.
 - Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với Nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì Nghị quyết bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

i) Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc và Hướng dẫn biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật khác.
- Khi tham dự Đại hội, Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết được nhận một Thẻ/Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên người đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
- Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký dự họp và ngay sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các dự biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Thờ/Phiếu biểu quyết được gửi đến Cổ đông hoặc phát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
- Biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội đồng cổ đông
 - Đối với các vấn đề chung: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng cách giơ Thờ/Phiếu biểu quyết của mình lên theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội đồng cổ đông.
 - Đối với các nội dung chính: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến từng nội dung cần lấy ý kiến được ghi trong Thờ/Phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ thu lại Thờ/Phiếu biểu quyết và kiểm số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội đồng cổ đông.
- Bỏ phiếu bầu Thành viên Hội đồng Quản trị/ Ban Kiểm soát
 - Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
 - Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu bầu Hội đồng, Quản trị/ Ban Kiểm soát vào thùng phiếu tương ứng. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được Trưởng Ban kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.
- Ban Kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:
 - Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng riêng được sự giám sát của đại diện cổ đông.
 - Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
 - Kiểm tra tính hợp lệ của các Thờ/Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử.
 - Kiểm tra lần lượt từng Thờ/Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử và ghi kết quả kiểm phiếu.
 - Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu niêm phong toàn bộ các Thờ/Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử và bàn giao lại cho Chủ tọa.
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
 - Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu.
 - Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - Thành phần Ban Kiểm phiếu;

- Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
 - Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
 - Số và tỷ lệ Thờ/Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử hợp lệ, Thờ/Phiếu biểu quyết/ Phiếu bầu cử không hợp lệ;
 - Số và tỷ lệ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng quyết định thông qua tại Đại hội và/ hoặc số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị/ Ban Kiểm soát.
- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các Thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của đại diện cổ đông. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào Thờ/Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp. Thờ/Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của Cổ đông là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của Cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.
 - Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho Cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua trang TTĐT của Công ty.

Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông tuân thủ theo Điều 33 Điều lệ Công ty và Điều 135 Luật Doanh nghiệp.
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ tên Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;
 - e) Tóm tắt diễn biến trong cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.
3. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị hoặc Đoàn Chủ tọa tham dự họp ký và có đầy

đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
5. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang Thông tin điện tử của Công ty theo các quy định pháp luật về công bố thông tin, gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
9. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm Thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

Điều 20. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tuân thủ theo Điều 152 Luật Doanh nghiệp, Điều 2 Quy chế mẫu theo Thông tư 116-2020/TT-BTC, và Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật có liên quan,

1. Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc, gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, và/hoặc theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại thời điểm ban hành và có hiệu lực.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
3. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông
 - a) Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
 - b) Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - c) Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết



đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Tuân thủ theo các quy định tại Điều 132, Điều 151 Luật Doanh nghiệp và mục (o) Điều 2 Quy chế Mẫu theo Thông tư 116 – 2020/TT-BTC và Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật liên quan,

1. Cổ đông có quyền phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bằng cách yêu cầu Thư ký đại hội ghi ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu Nghị quyết được công bố sau cuộc họp.
2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền kiến nghị, yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.
 - Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
 - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức tại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định.
4. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
5. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
6. Trong mọi trường hợp, Cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định



của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Tuân thủ quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Điều 2 Quy chế mẫu theo Thông tư 116-2020/TT-BTC, và Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật có liên Quan,

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm tất cả các vấn đề được quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.
3. Văn bản được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ do Cổ đông cung cấp, đồng thời đăng tải trên trang Thông tin điện tử của Công ty và tuân thủ theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.
4. Trường hợp việc gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện bằng hình thức thư điện tử, Công ty phải lập một hộp thư điện tử (email) riêng để nhận Phiếu lấy ý kiến của Cổ đông. Email này chỉ được truy cập và kiểm tra tại thời điểm kiểm phiếu.
5. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp.
6. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.
7. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
8. Cổ đông thực hiện biểu quyết và gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty theo hướng dẫn trong Phiếu, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
9. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
10. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn quy định là Phiếu lấy ý kiến có (i) thời gian Công ty ký nhận thư từ đơn vị chuyển thư theo hình thức gửi thư sau thời hạn quy định, hoặc (ii) thời gian do máy fax ghi nhận trên Phiếu lấy ý kiến theo hình thức fax sau thời hạn quy định, hoặc (iii) thời gian do hệ thống email ghi nhận theo hình thức gửi thư điện tử sau thời hạn quy định.
11. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
12. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến.
13. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
14. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang Thông tin điện tử, việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang Thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

15. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
16. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 20 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Tuân thủ quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều 278, Điều 280 Nghị định 155 – 2020/NĐ-CP, Điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC, Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo các nội dung sau:

- a) Tổng kết các cuộc họp Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- h) Kết quả giám sát đối với Người điều hành khác;
- i) Định hướng phát triển của Công ty;
- j) Kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, các văn bản, quy chế, quy định thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng Cổ đông
- l) Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty;
- m) Các loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- n) Phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- o) Mức cổ tức hàng năm;
- p) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;
- q) Phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và trích lập các quỹ;
- r) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính tiếp theo;
- s) Kiến nghị việc tổ chức lại, giai thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty;
- t) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- u) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- v) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- w) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- x) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- y) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- z) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 29, Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát

Tuân thủ quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều 288, Điều 290 Nghị định 155 – 2020/ND-CP, Điều 15, Điều 16 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC, Điều 24 và Điều 61 Điều lệ Công ty, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên là báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát viên, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- c) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- d) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- e) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm

quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- h) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- i) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- j) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các cơ quan nhà nước có liên quan.
- k) Báo cáo các nội dung khác có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

Điều 24. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Theo quy định của khoản 10 Điều 20, Điều 144 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP, khoản 5 Điều 2 Quy chế mẫu theo Thông tư 116-2020/TT-BTC, và Điều lệ Công ty, Công ty được phép áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến.
2. Trong trường hợp này Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155-2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết, trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:
 - a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - d) Điều kiện tiến hành;
 - e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

- f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
 - g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
 - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:
- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Điều kiện tiên hành;
 - e) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Cách thức bỏ phiếu;
 - g) Cách thức kiểm phiếu;
 - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Ngôn ngữ sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là tiếng Việt.
2. Nếu Chủ tọa không chỉ định phiên dịch chung cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông là người nước ngoài có quyền dẫn theo phiên dịch khi tham dự Đại hội, tuy nhiên phải thông báo trước cho Ban Tổ chức Đại hội được biết khi đăng ký tham dự họp để được sắp xếp chỗ ngồi cho người phiên dịch.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử, bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị

Theo quy định tại Điều 115; Điều 155 Luật Doanh nghiệp; Điều 25 Thông tư 116-2020/TT-BTC, Điều 274 Nghị định 155-2020/NĐ-CP, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan,

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại ngày đăng ký cuối cùng tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng

quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
4. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cầu trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty và cơ quan quản lý Nhà nước;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
5. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty

8. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- c) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 thành viên;
- d) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 thành viên;
- e) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 03 thành viên;
- đ) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 04 thành viên;
- g) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số thành viên dự kiến bầu.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

- Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định.
- Tối thiểu một phần hai (1/2) thành viên Hội đồng Quản trị phải thường trú ở Việt Nam.
- Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức

danh điều hành của Công ty để đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán, đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị, đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành.

Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành;

6. Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị nên là thành viên độc lập nếu có thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng được các tiêu chuẩn về Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập như pháp luật quy định. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên
7. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
8. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị vừa kết thúc nhiệm kỳ phải tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
9. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d trên đây, Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng Quản trị có quyết định xác nhận Thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

10. Việc bỏ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, chịu trách nhiệm

trước các Cổ đông về kết quả hoạt động của Công ty. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định.

Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá và thời điểm chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các loại chứng khoán chuyển đổi khác của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần hoặc thu hồi cổ phần, giá mua hoặc thu hồi cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng, người phụ trách quản trị và các cán bộ quản lý khác của Công ty thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng Quản trị theo đúng các quy định của pháp luật; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- m) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- p) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung theo Điều 280 Nghị định 155-2020/ND-CP;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- r) Quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty vì lợi ích của Công ty, Cổ đông;
- s) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- t) Trích lập và sử dụng các quỹ, chia cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- u) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- v) Thành lập chi nhánh, công ty con hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- w) Trong phạm vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng, giao dịch lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng, giao dịch mua, bán, sáp nhập, thuê mướm Công ty và liên doanh);
- x) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- y) Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- z) Các khoản đầu tư tài sản cố định không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm hoặc các khoản đầu tư tài sản cố định vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định pháp luật;
- aa) Thông qua việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- ab) Quyết định các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc đệ trình;



- ac) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người đại diện thực hiện nhiệm vụ kiểm soát rủi ro và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp hiệu quả của hệ thống Quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- ad) Công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- ac) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
 5. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty; bảo đảm hoạt động của công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy định nội bộ của công ty; xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty và có các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty;
 6. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 7. Trình Đại hội Cổ đông thông qua:
 - a) Định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - c) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, các văn bản, quy chế, quy định thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty;
 - e) Các loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - f) Phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

- g) Mức cổ tức hàng năm;
 - h) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;
 - i) Phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và trích lập các quỹ;
 - j) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính tiếp theo;
 - k) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản của Công ty;
 - l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - n) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - p) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - q) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - r) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 29, Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
8. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
9. Có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở.
10. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
11. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.
12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Các khoản chi phí này được tính vào chi phí hoạt động của Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một số Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quá bán.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và tuân thủ các quy định khác tại Điều 7 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c) Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội Cổ đông do Trường Ban Kiểm soát triệu tập hoặc Đại hội được triệu tập theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 30, Điều lệ Công ty;
 - d) Chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;

- e) Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - f) Thay mặt Hội đồng Quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các văn bản đó;
 - g) Quyết định và thực hiện các vấn đề được Hội đồng Quản trị ủy quyền;
 - h) Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;
 - i) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc huỷ bỏ các quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trái Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - j) Ký văn bản ủy quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
 - k) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;
 - l) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
 4. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ

trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
3. Có sức khoẻ, có tư cách phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
 4. Các điều kiện khác theo quy định tại Điều 7 Điều lệ Công ty và của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

1. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành là thành viên không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.
3. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.
5. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không

còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

6. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn giống thành viên Hội đồng Quản trị khác.

Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Hội đồng Quản trị họp định kỳ mỗi Quý một lần (hoặc có thể ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong mỗi nhiệm kỳ) và có thể triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất. Chủ tịch phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
 - b) Hai thành viên Hội đồng Quản trị trở lên;
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - d) Thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp.
7. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
9. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
11. Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
12. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
13. Thông báo và chương trình họp:
 - a) Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.
 - b) Thông báo mời họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.
 - c) Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
14. Số thành viên tham dự tối thiểu:
 - a) Cuộc họp của Hội đồng Quản trị theo Thông báo mời họp/Giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc qua người đại diện thay thế trở lên dự họp.
 - b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại mục a) khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc qua người đại diện thay thế dự họp.
15. Biểu quyết:
 - a) Trừ quy định tại điểm b, khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một Thẻ biểu quyết; Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ

phiếu bằng văn bản.

- b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại điểm d, khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

16. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

Thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

17. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

18. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 điều 156 Luật Doanh nghiệp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

19. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
20. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
21. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
22. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:

- a) Thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

Điều 34. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.
2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ và tên các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, các thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc

họp;

- g) Kết quả biên quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
3. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị:
- Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được Hội đồng Quản trị mời dự các cuộc họp mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Những người được mời dự họp không được tham gia biểu quyết.
4. Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 Thẻ/phiếu biểu quyết. Văn bản lấy ý kiến Hội đồng Quản trị phải có các nội dung sau:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích lấy ý kiến; Thời hạn lấy ý kiến;
 - c) Các nội dung lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến và biểu quyết tán thành hay không tán thành;
 - e) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.

Ban Thư ký Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổng hợp văn bản lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị để lập Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

Nghị quyết, các văn bản lấy ý kiến và các tài liệu sử dụng trong việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- 5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h và i khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 6. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 7. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 8. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

9. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d trên đây, Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng Quản trị có quyết định xác nhận Thành

viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị.
 - Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - a) Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật, thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
 - b) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị đương nhiên mất tư cách, từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một Chủ tịch thay thế theo nguyên tắc đa số.
 - c) Việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách phải được thực hiện trong thời hạn chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện này.
 - d) Trong trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Trong trường hợp Đại hội đồng Cổ đông không chấp thuận thì thành viên mới này sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, nhưng những biểu quyết của thành viên này trong thời gian từ lúc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm đến ngày Đại hội đồng Cổ đông ra quyết định không chấp thuận vẫn được công nhận là có giá trị pháp lý và những Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua trong thời gian này sẽ không bị vô hiệu.
7. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

CHƯƠNG IV BAN

KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều lệ

Công ty.

1. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát:
 - a) Các Cổ đông nắm giữ tối thiểu 3% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (01) thành viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (02) thành viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 60% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số thành viên dự kiến bầu.
2. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và một số tiêu chí sau:

 - a) Không được là nhân viên hoặc chuyên viên thuộc bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - c) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp
 - d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - e) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - f) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt Đại hội đồng Cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Ban Kiểm soát có số thành viên ít nhất là 03 (ba) và nhiều nhất là 05 (năm) thành viên, số

lượng cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm, các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng Quản trị của Công ty.
4. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
5. Trường hợp Thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
6. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, cán bộ quản lý của Công ty;
7. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d trên đây, thành viên Ban Kiểm soát sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng Quản trị có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần có sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

8. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 103, 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

9. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, cách chức Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
 - Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

- Các thành viên Ban Kiểm soát phải bầu ra một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát phải hoạt động theo chế độ chuyên trách.
- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.
- Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trưởng Ban kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác
- Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều này và điểm c, khoản 3, Điều 30 tại Điều lệ Công ty và theo pháp luật;
 - Xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Kiểm soát viên.
 - Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát;
 - Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
 - Đề nghị Hội đồng Quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông;

- i) Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban Kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Ban Kiểm soát

- a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;
- b) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;
- c) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh;
- d) Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng Cổ đông;
- e) Ít nhất một tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát;
- f) Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng Quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào Biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
- g) Hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty;
- h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của Công ty. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
- i) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 40. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 -171 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội

đồng quản trị, Tổng Giám đốc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Điều 139 Luật Doanh nghiệp;

5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
6. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
7. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
8. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
9. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
10. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
13. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
14. Xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
15. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
16. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, hoạt động và việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của SSN;
17. Kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Công ty;

18. Thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp; ,
19. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động, công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông. Thường xuyên thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông;
21. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
22. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
23. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
24. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật Doanh nghiệp Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không làm gián đoạn hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.

25. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến hoạt động tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật;
26. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của công ty, cổ đông, Chủ sở hữu hoặc khách hàng, Ban kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu để giải quyết. và người điều hành khác của doanh nghiệp. Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Đối với các vi phạm pháp luật, Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng

khoản Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

27. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
28. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành;
29. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;
30. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành;
31. Công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
32. Đối với Ban kiểm soát có từ 02 thành viên trở lên, Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 lần trong một năm, họp định kỳ mỗi quý một lần (hoặc có thể ngắn hơn theo quyết định của Trường Ban Kiểm soát trong mỗi nhiệm kỳ) và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
33. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định;
34. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 42. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại khoản 7, Điều 56 tại Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để xem xét miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp này và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
5. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trường Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trường Ban Kiểm soát.
6. Trường Ban Kiểm soát muốn từ chức Trường ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Trường Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
7. Trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban Kiểm soát trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
8. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng Cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 43. Các cuộc họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp ít nhất hai lần trong năm, và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
4. Cuộc họp bất thường:

Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b) Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Trưởng Ban Kiểm soát;
 - d) Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - e) Tổng Giám đốc.
5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty.
7. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
8. Số thành viên tối thiểu tham dự các cuộc họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được uỷ quyền.
- Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.
- Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.
9. Biểu quyết:
- a) Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

- b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp.
- Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
- d) Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1, Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
10. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Công ty phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát uỷ quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
12. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
13. Biên bản họp Ban Kiểm soát: các cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và

trung thực của Biên bản.

Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 44. Tiền lương, Thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
3. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
4. Thù lao và chi phí hoạt động trả cho các thành viên Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định. Số tiền thù lao và chi phí hoạt động mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã nhận, được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Công ty có một Tổng Giám đốc và một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, bãi miễn bằng một Nghị quyết hoặc Quyết định được thông qua theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 46. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh tương đương và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu



đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.
4. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
5. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với các bộ quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng Quản trị sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở chế độ chính sách của Công ty.

Điều 48. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương của SSN là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương không quá năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Công phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Công ty, Điều 74 Luật Chứng khoán.
 - c) Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - d) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;
 - e) Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền;
 - f) Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương

hoặc Giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

- g) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
- i) Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc (Giám đốc hoặc các chức danh tương đương) tại một doanh nghiệp khác.
- j) Các điều kiện khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty

Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc hoặc chức danh tương đương.
2. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty
 - b) Có Đơn xin từ chức;
 - c) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao, để Công ty làm ăn thua lỗ nhiều năm liên tục;
 - d) Các trường hợp khác theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và quy định của pháp luật;
4. Trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 3, Điều này, Hội đồng Quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc;
5. Trường hợp Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị xem xét quyết định. Đơn đề nghị của Tổng Giám đốc phải gửi ít nhất trước sáu mươi (60) ngày;
6. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị nhận được Đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
7. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo gần nhất.
8. Khi tạm đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản

trị phải có văn bản báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

9. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- a) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; số lượng và các loại cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm của Hội đồng Quản trị mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- c) Quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm; tuyển dụng và mức lương áp dụng cho những cán bộ quản lý và các cán bộ nhân viên khác không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị.
- d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- b) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);
- c) Tuyển dụng lao động;
- d) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm;
- f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
- g) Đại diện Công ty ký kết các hợp đồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- h) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả Bảng cân đối kế toán;

Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

- j) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình;
- k) Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- l) Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo mục tiêu theo quy định của pháp luật;
- m) Công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- n) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

Điều 50. Thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Ban Điều hành được tính vào chi phí hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 51. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. Người có thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động có trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo Người điều hành doanh nghiệp đã được bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp, Công ty sẽ thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đăng tải trên trang TTĐT của Công ty, thông báo trong nội bộ doanh nghiệp và các cơ quan, đối tác có liên quan.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 53. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định mời Thành viên Ban Kiểm soát (Trưởng Ban Kiểm soát và/hoặc Kiểm soát viên) và Thành viên Ban Điều hành tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu thấy cần thiết. Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị và phải có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, được phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.
2. Tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành và Thành viên của các Tiểu ban.
3. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Điều hành, Tổng Giám đốc có thể mời một số Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và Thành viên của các Tiểu ban.
4. Thông báo mời họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là ba (03) ngày trước ngày họp.
5. Biên bản và Nghị quyết họp được gửi cho tất cả các Thành viên tham dự trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày họp.

Điều 54. Nguyên tắc phối hợp giữa Ban TGD, Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát

1. Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng Quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định và các văn bản được ban hành.
2. Ban Kiểm soát phải lập chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty biết trước khi thực hiện, trừ trường hợp cần kiểm tra đột xuất.
3. Ban Kiểm soát được nhận các tài liệu như các Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
4. Các giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp phải được thông báo cho Ban Kiểm soát ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện, trừ các giao dịch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
5. Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong một số trường hợp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Khi Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng Quản trị phải có ý kiến phản hồi để cùng đưa ra quyết định chọn công ty kiểm toán phù hợp nhất.
7. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất Công ty, Ban Kiểm soát phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải trao đổi với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc không thể đưa ra quyết định

Điều 55. Báo cáo của TGD với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê chuẩn; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Khi phát hiện những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị có quyết định điều chỉnh.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái với pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định này trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty bị thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng Giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị, trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực khắc phục tình trạng thua lỗ, Hội đồng Quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng Giám đốc trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 56. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, 06 tháng và hằng năm.
2. Kế hoạch kinh doanh năm phải trình
3. Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Điều 57. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên Hội đồng Quản trị, các Kiểm soát viên và Ban Tổng Giám đốc

1. Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tin thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các Thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị,
2. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình. Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các Thành viên Hội

đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

3. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc, các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với Thành viên Ban Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời!
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; Hội đồng Quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.
5. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, nếu Ban Tổng Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị biết để cùng nhau giải quyết.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KIEN THƯỜNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 58. Đánh giá hoạt động đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. Hàng năm căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công, Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình người có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, đánh giá và phê duyệt.
2. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên. Kết quả đánh giá lần trước phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá tiếp theo.
3. Tiêu chí đánh giá hoạt động tối thiểu gồm các nội dung như sau:
 - a) Đối với Thành viên Hội đồng Quản trị/ Kiểm soát viên
 - Số lần tham dự các kỳ họp chính thức và bất thường;
 - Mức độ hoàn thành công việc được giao;
 - Số lần vi phạm kỷ luật.
 - b) Đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc
 - Khả năng điều hành và quản trị;
 - Hiệu quả kinh doanh;
 - Số lần vi phạm kỷ luật.
 - c) Đối với người điều hành doanh nghiệp khác
 - Dựa trên quy chế nội bộ, kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn Công ty để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cán bộ quản lý.

Điều 59. Khen thưởng

1. Người có thẩm quyền bổ nhiệm thì có thẩm quyền xem xét khen thưởng người được bổ nhiệm theo thủ tục pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty, nội quy Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động.
2. Hình thức khen thưởng:
 - Bằng khen;
 - Bằng tiền;
 - Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty;
 - Hình thức khác.
3. Nguồn khen thưởng: Được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng hợp lý.

Điều 60. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự thiếu cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn yếu kém sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu
 - Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và trách nhiệm của mình;
 - Lạm dụng quyền hành, việc ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty;
 - Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
3. Các trường hợp khác theo quy định.
 - Các cách thức kỷ luật
 - Miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải;
 - Các hình thức khác theo quy định pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty, nội quy Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng lao động.
3. Ngoài ra, các Thành viên bị xử lý kỷ luật phải hoàn trả lại cho Công ty khoản lợi ích mà Thành viên đó hưởng lợi từ hành vi vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật. Thành viên bị kỷ luật phải bồi thường thiệt hại cho khoản thiệt hại gây ra cho Công ty do hành vi vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật.

CHƯƠNG IX

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 61. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị những hợp đồng giữa Công ty với chính Thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới Thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các Thành viên không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, các Thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà Thành viên đó hoặc người có liên quan đến Thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.
5. Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.
6. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá;
 - b) Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật;
 - c) Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật;
 - d) Tổ chức thực hiện.
7. Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 69 Điều lệ Công ty.

Điều 62. Giao dịch với người có liên quan

công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Thông tin của Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

- Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 66. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

- Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
 - Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - Thù lao và chi phí cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Thành viên Ban Kiểm soát;
 - Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Công ty của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
 - Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp;
 - Các thông tin khác theo quy định pháp luật.
- Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của UBCKNN cho UBCKNN và SGDCK/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết.

Điều 67. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

- Những cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông của Công ty sẽ đăng ký với SGDCK/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết theo quy định tại Điều lệ Công ty và của pháp luật. Công ty, căn cứ vào thông báo định kỳ của SGDCK/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết sẽ tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn sau khi những cổ đông gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
 - Địa chỉ liên lạc;
 - Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
 - Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;

- e) Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
 - f) Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
 - g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu của các cổ đông lớn.
3. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của UBCKNN cho UBCKNN và SGDCK/TTGDCK nơi Công ty đăng ký niêm yết.

Điều 68. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b) Bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin;
 - c) Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là người thuộc Ban Thư ký Hội đồng Quản trị hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 69. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế này với UBCKNN, SGDCK/TTGDCK và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Chế độ giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của UBCKNN, SGDCK/TTGDCK và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Xử lý vi phạm

Tất cả các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty có trách nhiệm thực hiện các Quy định được nêu tại Quy chế này.

Trường hợp vi phạm một cách cố ý gây thiệt hại cho Công ty, người có hành vi vi

phạm sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại xảy ra và bị xử lý căn cứ vào quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế quản lý nhân sự của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 72. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm XIV Chương, 73 Điều do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn xây dựng và ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 26/05/2023.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị có liên quan, cùng toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

HUỲNH NGỌC ĐỊNH





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
Trụ sở chính: 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Tel: (08) 73099999 – Fax: (08) 39310888
Website: seaprodexsg.com – Email: info@seaprodexsg.com

Số: 02/TTr/SeaSG/2023

TP.HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn;
- Căn cứ tờ trình số 02/TTr/SeaSG/2023 ngày 04/05/2023 của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng bất thường năm 2023;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ sung Người đại diện theo Pháp luật của Công ty như sau:

1. Số người đại diện pháp luật

- Số người đại diện theo pháp luật trước thay đổi: 01 người.
- Số người đại diện theo pháp luật sau thay đổi: 02 người.

2. Chức vụ người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ người đại diện theo pháp luật trước thay đổi:
Tổng Giám đốc.
- Chức vụ người đại diện theo pháp luật sau thay đổi:
Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.

3. Danh sách người đại diện pháp luật dự kiến tại thời điểm lập tờ trình.

a. Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : HUỖNH NGỌC ĐÌNH
Giới tính : Nam Quốc tịch: Việt Nam.
Số CCCD/CMND: 015069000075 Ngày cấp: 22/03/2019
Nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an
Nơi đăng ký địa chỉ thường trú: 119 Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp.HCM

b. Tổng Giám đốc

Họ và tên : ĐẶNG ĐÌNH PHÚC
Giới tính : Nam Quốc tịch: Việt Nam.
Số CCCD/CMND: 022799700 Ngày cấp: 08/08/2014
Nơi cấp : CA TP.HCM
Nơi đăng ký địa chỉ thường trú: 115A Trần Bình Trọng, P.2, Q.5, Tp.HCM



Trường hợp sau thời điểm thông qua tờ trình, nhân sự nắm giữ vị trí Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc có sự thay đổi, thì người đại diện theo pháp luật cụ thể cũng sẽ thay đổi theo thực tế.

4. Ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc người được Hội đồng quản trị trao quyền thực hiện các công việc sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty về Người đại diện theo pháp luật.
- Ký kết các văn bản tài liệu với các cá nhân được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của Công ty; tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký thay đổi số lượng người đại diện theo pháp luật tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM, bao gồm cả việc sửa đổi bổ sung Điều lệ theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, liên quan đến việc thực hiện thủ tục thay đổi số lượng Người đại diện theo pháp luật đã nêu.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HUỲNH NGỌC ĐỊNH

